

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 - ĐIỆN BIÊN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2025/HNGĐ- ST

Ngày: 04/8/2025

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – ĐIỆN BIÊN, TỈNH ĐIỆN BIÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hồng Quang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Như Lữ, ông Lương Văn Dũng

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Công Hoàn - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Điện Biên, tỉnh Điện Biên;

Ngày 04 tháng 8 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Điện Biên, tỉnh Điện Biên, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 27/2025/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2025, về việc: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2025/QĐST-HNGĐ ngày 28/7/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lò Thị N, sinh năm 1996, nơi cư trú: bản P, xã L, tỉnh Đ, có mặt.

2. Bị đơn: anh Lò Văn T, sinh năm 1993, nơi cư trú: bản P, xã L, tỉnh Đ. (Hiện đang chấp hành án tại đội 6, phân trại 1, trại giam Yên Hạ). Địa chỉ: xã Phù Yên, tỉnh Sơn La. Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 27/5/2025 và trong quá trình xét xử, Nguyên đơn chị Lò Thị N trình bày:

[1]. *Về quan hệ hôn nhân:* Tôi và anh Lò Văn T sau một thời gian tìm hiểu nhau đã tự nguyện đến Ủy ban nhân dân xã Luân Giới, huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên (nay là xã Mường Luân, tỉnh Điện Biên) đăng ký kết hôn và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 23 ngày 03/3/2014. Sau một thời gian chung sống thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, cuộc sống hôn nhân không có tiếng nói chung, đến ngày 12/10/2023 anh T bị Công an bắt về tội tàng trữ trái phép chất ma túy và bị tuyên phạt 36 tháng tù. Đến nay tôi đã hết tình cảm với anh T, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, vì vậy tôi đề

nghe Tòa án nhân dân khu vực 2 – Điện Biên giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Lò Văn T.

[2]. *Về con chung*: Chúng tôi 01 con chung, là cháu: Lò Ngọc Điệp, sinh ngày 31/5/2015. Tôi có nguyện vọng được nuôi cháu Điệp cho đến khi cháu thành niên và có khả năng lao động.

Về cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3]. *Về tài sản*: Tài sản riêng, tài sản chung, nợ phải trả, nợ lấy về: tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn: Ngày 27 tháng 5 năm 2025, sau khi thụ lý vụ án Tòa án nhân dân khu vực 2 đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án số 27/TB-TLVA ngày 27 tháng 5 năm 2025 cho bị đơn anh Lò Văn T.

Theo nội dung biên bản ghi lời khai đối với anh Lò Văn T ngày 05 tháng 6 năm 2025, anh Lò Văn T khai:

Về hôn nhân: anh và chị Lò Thị N kết hôn trên tình thân tự nguyện, đã đăng ký kết hôn ngày 03/3/2014 tại UBND xã Luân Giới, huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên (Nay là xã Mường Luân, tỉnh Điện Biên). Sau một thời gian chung sống thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do tôi nghiện ma túy, vợ chồng không có tiếng nói chung, hiện nay tôi đang phải đi chấp hành án tại Trại giam Yên Hạ, từ lúc bị bắt vợ chồng chưa có thời gian nói chuyện với nhau. Tôi nhận thấy cuộc hôn nhân của tôi và chị Nam chưa mâu thuẫn đến mức phải dẫn đến ly hôn, tôi vẫn còn tình cảm với chị Nam, vì vậy tôi không đồng ý ly hôn.

Về con chung: chúng tôi có 01 con chung, cháu Lò Ngọc Điệp, sinh ngày 31/5/2015. Do tôi đang phải đi chấp hành án, không có khả năng nuôi con nên tôi nhất trí với nguyện vọng của chị Nam về việc chị là người trực tiếp nuôi cháu Điệp, khi nào anh chấp hành án xong anh làm thủ tục xin lại quyền nuôi con sau.

Về cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, riêng, nợ phải trả, nợ lấy về: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay chị Lò Thị N vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, giải quyết việc nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con và không yêu cầu Tòa án giải quyết quan hệ tài sản như nội dung đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bà đã trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn, nuôi con với bị đơn. Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2, tỉnh Điện Biên. Tòa án nhân dân khu vực 2 thụ lý giải quyết là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc vắng mặt của bị đơn anh Lò Văn T: Ngày 10 tháng 7 năm 2025,

Tòa án nhân dân khu vực 2 đã ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử và tổng đạt hợp lệ cho anh Lò Văn T. Đến ngày 28/7/2025, anh T không đến phiên tòa và không có đơn xin xét xử vắng mặt do đó căn cứ vào khoản 1 Điều 227, Điều 233, Điều 235 của Bộ luật tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử đã quyết định hoãn phiên tòa. Tòa án nhân dân khu vực 2 đã nhờ Trại giam Yên Hạ cử cán bộ quản giáo tổng đạt quyết định hoãn phiên tòa cho anh Lò Văn T. Do đó, căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án: chị N và anh T kết hôn trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo đúng quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình nên hôn nhân giữa chị Nam và anh T là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Lò Thị N: chị N vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh T. Hội đồng xét xử xét thấy, hiện tại chị Nam không còn tình cảm với anh T. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị N và anh T là do anh T nghiện ma túy, cuộc sống hôn nhân bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, ngoài ra anh Lò Văn T còn đang phải đi chấp hành án tại trại giam Yên Hạ, xã Phù Yên, tỉnh Sơn La. Chính quyền địa phương cũng xác nhận trong quá trình sống chung chị Nam và anh T thường xuyên xảy ra cãi vã, đến nay nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn đã lâm vào tình trạng trầm trọng. Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định việc chị Nam cho rằng hai vợ chồng không còn hạnh phúc, chị Nam không còn tình cảm với anh T là đúng. Xét tình trạng thực tế giữa hai vợ chồng, Hội đồng xét xử thấy có đủ căn cứ xác định chị Nam và T không còn tình cảm, không cùng chung sống nuôi dạy con cái, vun vén hạnh phúc gia đình. Vì vậy, đã làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của chị Lò Thị N, giải quyết cho chị Lò Thị N ly hôn với anh Lò Văn T.

Xét yêu cầu nuôi con của chị Nam: chị N và anh T có 01 con chung, là cháu Lò Ngọc Diệp, sinh ngày 31/5/2015. Chị N có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu vì hiện nay anh T đang phải đi chấp hành án tại trại giam Yên Hạ, việc cấp dưỡng nuôi con chung không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu và nguyện vọng của chị Nam là chính đáng, chị Nam là người có đủ điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, giao cháu Lò Ngọc Diệp cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Chị N không yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét. Anh T có quyền đi lại thăm nom, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con có thể được thay đổi theo quy định tại Điều 84 của Luật hôn nhân gia đình 2014 khi có yêu cầu.

Về tài sản riêng, tài sản chung, công nợ: chị N và anh T không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Quá trình giải quyết vụ án chị Lò Thị N có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí. Tại phiên tòa bà tiếp tục đề nghị HĐXX xem xét miễn tiền án phí DSST cho chị, bởi vì bản thân và gia đình chị là người dân tộc Thái đang cư trú tại bản Pá Khoang, xã Mường Luân, tỉnh Điện Biên nơi có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn chị Lò Thị N.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Khoản 1 Điều 51; Điều 53, Khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 69; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình;

Căn cứ Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/ 2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nguyên đơn chị Lò Thị N được ly hôn với bị đơn anh Lò Văn T.

2. Về con chung: Các đương sự 01 con chung, là cháu Lò Ngọc Diệp, sinh ngày 31/5/2015. Giáo cháu Diệp cho chị Lò Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Diệp thành niên và có khả năng lao động.

Việc cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Lò Văn T có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Chị Nam và anh T có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

3. Về tài sản: Tài sản riêng, tài sản chung, nợ phải trả, nợ lấy về: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn chị Lò Thị N.

5. Về quyền kháng cáo: chị Lò Thị N được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 04/8/2025). Bị đơn anh Lò Văn T vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 2;
- THADS tỉnh Điện Biên;
- Phòng TT, KT - THA TAND tỉnh DB;
- UBND xã Mường Luân;
- Lưu: HSA.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Hồng Quang

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thu Hiền Vì Thị Lún

Lê Hồng Quang